

Số: 02/QĐ-ASIC

Bắc Giang, ngày 07 tháng 10 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án : Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa; Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc mở rộng và điều chỉnh Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng, điều chỉnh bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh và mở rộng Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa, tỷ lệ 1/500.

Căn cứ công văn số 1204/SXD-QLN ngày 19/5/2021 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo NCKT dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật mở rộng cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hoà.



Căn cứ quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hoà.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hoà với những nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hoà.

**2. Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Đầu tư ASIC.

**3. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng mới đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết được duyệt để tạo cơ sở hình thành cụm công nghiệp mới đồng bộ cả về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn xã Đoàn Bái, huyện Hiệp Hoà.

**4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:**

4.1 Quy mô, nội dung xây dựng:

Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hoà với quy mô 69,6 ha (trong đó diện tích của Công ty may Hà Phong nằm trong cụm và được nhà nước giao đất và hoàn thiện xây dựng công trình đưa vào sử dụng khoảng 15ha; diện tích của cụm công nghiệp khoảng 54,9ha) theo quy hoạch phê duyệt điều chỉnh và mở rộng Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hoà (tỷ lệ 1/500) và đấu nối với hạ tầng xung quanh khu vực dự án bao gồm các hạng mục: San nền, giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, xử lý nước thải, cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc (hệ thống ống và hố ga luôn cấp), khuôn viên cây xanh...

4.2. Giải pháp thiết kế cơ sở:

4.2.1. San nền:

San nền theo từng lô đất trong ranh giới dự án được duyệt; độ dốc san nền từ Bắc xuống Nam và từ Tây Bắc xuống Đông Nam, độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy với hướng dốc về phía các tuyến đường giao thông bao quanh lô đất; cao độ san nền tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt, phù hợp với khu vực lân cận; cao độ san nền cao nhất +7,65m, thấp nhất +6,80m. Các khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng đắp mái ta luy độ dốc mái 1/2. Vật liệu san nền bằng đất cấp III, đắp đất theo từng lớp và lu lèn đạt độ chặt yêu cầu  $K \geq 0,85$ ; ngoài ra tận dụng đất dư thừa từ công tác đào nền của các hạng mục kỹ thuật khác để đắp.

4.2.2. Giao thông:

Hệ thống giao thông thuộc dự án bao gồm các tuyến đường với quy mô tuân thủ theo điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt.

a) *Thiết kế bình đồ:*

Xây dựng mới các tuyến đường giao thông, bao gồm 6 tuyến, tuân thủ theo Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh và mở rộng Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hoà, tỷ lệ 1/500.

b) *Thiết kế trắc dọc:*

Các tuyến được thiết kế tuân thủ theo cao độ khống chế trong quy hoạch và đầu nối phù hợp với các tuyến đường trong khu vực (tuyến đường QL37). Bao gồm 6 tuyến. Cụ thể:

- Tuyến (1) có mặt cắt 1-1, từ nút N16 - N15- N17, dài 329.98m; cao độ thiết kế nút N16 cos +7.50m; cao độ thiết kế nút N15cos +7.65m; cao độ thiết kế nút N17cos +7.00m

- Tuyến có mặt cắt 2-2, dài: 1.727.76 m, trong đó:

+ Tuyến (2) Từ nút N12 - N15, dài: 377.3m; cao độ thiết kế nút N12 cos +7.56m; cao độ thiết kế nút N15 cos +7.56m;

+ Tuyến (3) Từ Ranh giới dự án đến nút N13 - N16 - N18, dài 758.1m; cao độ thiết kế nút N13 cos +7.50m; cao độ thiết kế nút N16 cos +7.50m; cao độ thiết kế nút N18 cos +7.00m.

+ Tuyến (4) Từ nút N19 - N21 dài 592.36m, cao độ thiết kế nút N19 cos +690m; cao độ thiết kế nút N21 cos +6.80m.

- Tuyến (5) có mặt cắt 3-3, từ nút N13 - N14, dài 247.33 m; cao độ thiết kế nút N13 cos +7.50m; cao độ thiết kế nút N14 cos +7.50m.

- Tuyến (6) có mặt cắt 4-4, từ nút N18 - N19- N20, dài 696.13m; cao độ thiết kế nút N18 cos +7.00m; cao độ thiết kế nút N19 cos +6.90m; cao độ thiết kế nút N20 cos +7.10m.

c) *Thiết kế mặt cắt ngang:*

Thiết kế 4 loại mặt cắt ngang có quy mô như sau:

STT	Tên mặt cắt	Bề rộng mặt đường (m)	Bề rộng hè đường (m)	Bề rộng dải phân cách (m)	Tổng cộng (m)
1	1-1	12	2x6	-	24,0
2	2-2	10,5	2x6	-	22,5
3	3-3	15	2x6	-	27
4	4-4	11,5	1x4,5 - 1x4,25	-	20,25

\* Ghi chú: Mặt cắt 4-4 giao thông đối ngoại với QL37 và kết nối đường giao thông nội bộ thuộc dự án.

Độ dốc ngang mặt đường  $i=2\%$ ; độ dốc ngang hè đường  $i=1,5\%$ .

- Thiết kế nền đường: Nền đường chủ yếu là nền đắp; trước khi đắp tiến hành vét bùn, hữu cơ; vật liệu đắp nền đường sử dụng đất cấp phối đồi; phần nền lòng đường đầm chặt đạt  $K \geq 0,95$ .

- Thiết kế mặt đường sử dụng kết cấu mặt đường mềm cấp cao A1 (theo tiêu chuẩn 22TCN211-2006), sử dụng 01 loại kết cấu mặt đường cho tất cả các tuyến đường trong dự án, gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: 5cm bê tông nhựa chặt 12,5; tưới nhựa dính bảm  $0,5\text{kg}/\text{m}^2$ ; 7cm bê tông nhựa chặt 19; tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn  $1,0\text{kg}/\text{m}^2$ ; 15cm cấp phối đá dăm loại I; 30cm cấp phối đá dăm loại II; 50cm đất đắp cấp III độ chặt  $K \geq 0,98$ , nền đường  $K \geq 0,98$ .

- Hè đường, bó vỉa, rãnh biên:

+ Hè đường: Vỉa hè thiết kế lát gạch tezazo, phía dưới lớp bê tông lót M150#;

+ Bó vỉa hè đường sử dụng viên vỉa vát bê tông đúc sẵn M200#, kích thước 26x23x100cm; móng bó vỉa đổ BTXM tại chỗ M150# dày 10cm. Tại các đoạn cong 26x23x25cm. Trồng cây xanh dọc theo vỉa hè của các tuyến đường. Hồ trồng cây kích thước lòng trong 1,2x1,2m; kết cấu hồ xây gạch đất sét nung 22cm, vữa xi măng M75#, miết mạch tạo kiến trúc, phía dưới đổ bê tông lót M150#, dày 10cm.

+ Rãnh biên: Rãnh biên đổ bê tông tại chỗ M200#, có độ dốc dọc điều chỉnh theo hệ thống thu nước mặt đường.

- An toàn giao thông: Thiết kế tổ chức giao thông theo hình thức tự điều khiển bằng hệ thống các vạch sơn, biển báo tại tất cả các tuyến đường và các nút giao thông của dự án tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

#### 4.2.3. Cấp nước và PCCC:

- Nhu cầu sử dụng nước của Cụm công nghiệp khoảng 2.900m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ đường ống cấp nước sạch D200 của Nhà máy nước sạch số 1 Hiệp Hòa, chạy dọc theo tuyến QL37; điểm cấp đầu nối theo quy hoạch chi tiết được duyệt; mạng lưới cấp nước là mạng vòng, kết hợp với mạng cụt; đường ống cấp nước sử dụng ống HDPE D110-:-D200; cấp nước cho nhà đầu tư thứ cấp qua tuyến ống dịch vụ sử dụng ống HDPE D63; ống được đặt ngầm dưới vỉa hè, chiều sâu chôn ống tối thiểu h=0,5m (đối với ống D63), h=0,7m (đối với ống D110; D160; D200), các đoạn ống phân phối qua đường được luôn trong ống thép D200 bảo vệ;

- Cấp nước chữa cháy: Hạng cấp nước cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối HDPE DN110-:-DN160. Các hạng cứu hỏa được bố trí trên vỉa hè của các tuyến đường, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa trung bình 100-:-150m (cấp nước chữa cháy áp lực thấp).

#### 4.2.4. Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải được thiết kế riêng biệt. Nước mưa được thu về phía các giếng thu và chảy vào hệ thống cống tròn BTCT đặt ngầm dưới hè đường; hệ thống giếng thu nước được bố trí cách nhau trung bình khoảng 30m/giếng. Đường ống thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT đúc sẵn đường kính từ D400-:-D1500 và hệ thống rãnh xây B1000 và B1500 chạy xung quanh dự án tiếp giáp với khu vực dân cư hiện trạng, độ dốc 0,03%.

- Các cống thoát nước đặt dưới vỉa hè, chiều dày lớp đất phủ tới đỉnh cống > 0,5m; cống đặt dưới lòng đường dùng loại cống tải trọng C; cống đặt dưới hè đường dùng loại cống tải trọng A, độ dốc thoát nước tối thiểu  $i=1/D$ .

- Hệ thống hồ ga kết cấu xây gạch bê tông không nung M100# vữa xi măng M75#, trát tường trong dày 1,5cm vữa xi măng M75#, đáy đổ bê tông M200# dày 20cm, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm; sàn đổ BTCT M200#, dầy tấm composite. Các hồ thu dưới lòng đường kết cấu BTCT M200#.

#### 4.2.5. Thoát nước thải và xử lý nước thải:

- Mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa. Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất trong Cụm công nghiệp được

xử lý cục bộ sau đó chảy vào mạng lưới đường ống thu gom nước thải chung của cụm công nghiệp; sử dụng ống HDPE D300 đặt ngầm dưới hè đường được thiết kế là các tuyến thoát nước tự chảy độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ , khoảng cách giữa các hố ga trung bình 30m/hố; nước thải được dẫn về trạm xử lý nước thải công suất  $3.500\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm ở phía Đông Nam Cụm công nghiệp sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

- Hệ thống hố ga:

+ Loại 1: Kết cấu xây gạch bê tông không nung M100# dày 22cm vữa xi măng M75#, trát tường trong dày 1,5cm vữa xi măng M75#, đáy đổ bê tông M200# dày 20cm, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm, đáy tấm composite.

+ Loại 2: Thành ga đổ BTCT M200#, đáy đổ bê tông M200# dày 20cm, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm; sàn đổ bê tông cốt thép M200#, đáy tấm composite.

- Trạm xử lý nước thải được xây dựng tại lô đất HTKT, có diện tích khu đất  $8.405\text{m}^2$ . Tổng công suất xử lý nước thải của cụm công nghiệp là  $3.500\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm. Gồm các cụm bể xử lý, kết cấu BTCT đổ toàn khối M350#; nhà điều hành; nhà thiết bị, kết cấu móng trụ đơn BTCT M250#, phân thân cột BTCT M250#, kết hợp xây gạch bê tông không nung M75#, vữa xi măng M75#, sàn đổ BTCT M250#, trát tường trong và ngoài vữa xi măng M50#. Hồ sự cố với diện tích khoảng  $3.650\text{m}^2$ .

4.2.6. Hệ thống cấp điện:

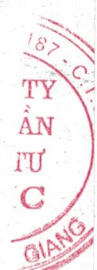
- Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ lưới điện 35KV lộ 371 -E7.11 sau khi dịch chuyển chạy ngang qua dự án, được đi nổi chạy dọc theo tuyến via hè đường giao thông. Xây dựng mới các nhánh đường dây 35KV đầu nối vào đường dây 35KV lộ 371-E7.11 để cấp điện cho các phụ tải cụm công nghiệp. Đường dây nhánh rẽ được đi nổi chạy dọc theo các tuyến via hè giao thông xây mới, cách via hè từ 1-1.5 m; sử dụng cáp trên không 3AC- 150mm<sup>2</sup>. Cột điện: sử dụng cột điện Bê tông ly tâm cao 20m.

- Trạm biến áp: Các Trạm biến áp do nhà đầu tư thứ cấp tự đầu tư xây dựng. Công suất dự kiến cấp điện toàn Cụm công nghiệp vào khoảng 12.773 KVA. Trong dự án nghiên cứu xây dựng mới 01 trạm biến áp có công suất 560KVA cung cấp cho điện cho khu vực hành chính, dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật.

- Đường dây hạ thế 0,4KV: Lưới hạ thế cấp điện cho khu hành chính và khu kỹ thuật sử dụng cáp ngầm tiết diện 0.6/1KVCu/XLPE/DSTA/PVC-3x70+1x50mm<sup>2</sup> đến 0.6/1kVCu/XLPE/DSTA/PVC-3x150+1x95mm<sup>2</sup>. Dây dẫn được đi trong rãnh cáp ngầm đảm bảo theo đúng quy phạm điện.

- Cấp điện và chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho chiếu sáng lấy từ trạm biến áp công suất 560KVA, sử dụng điện áp 380/220V ba pha bốn dây trung tính nối đất trực tiếp; cấp chiếu sáng sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC n3x16+1x10mm<sup>2</sup> (0,6/1KV), được luồn trong ống HDPE bảo vệ và đi trong rãnh cáp ngầm. Cột đèn chiếu sáng đặt trên via hè, dùng cột thép liền cần bát giác cao từ 8-12m; đèn chiếu sáng dùng bóng LED 120W-150W, móng cột BTCT M200#, khung móng bắt bu lông vào cột đèn, có bố



trí hệ thống tiếp địa cho cột đèn.

4.2.7. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Xây dựng hệ thống công, bể cáp hạ ngầm dưới vỉa hè, sử dụng các ống UPVC D110 chờ sẵn để phục vụ cho các đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin.

- Hệ thống hồ ga: Kết cấu xây gạch bê tông không nung M100# dày 22cm vữa xi măng M75#, trát tường trong dày 1,5cm vữa xi măng M75#, lót móng đá dăm dày 10cm, bê tông M200# đá 2x4 dày 20cm, tấm đan BTCT M200# dày 10cm.

**5. Tổ chức lập dự án:** Công ty TNHH Tư vấn thiết kế kiến trúc Đông Bắc.

**6. Địa điểm, diện tích ranh giới thực hiện dự án:**

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích dự án: 69.9 ha (trong đó diện tích được duyệt cũ là 42,6ha và diện tích mở rộng là 27,3ha).

- Ranh giới dự án :

+ Phía Bắc: Giáp Quốc lộ 37 và khu dân cư thôn An Hòa xã Đoan Bái;

+ Phía Nam: Giáp khu dân cư thôn An Hòa, Thôn Bái Thượng, xã Đoan Bái;

+ Phía Đông: Giáp ruộng lúa xã Việt Tiến, huyện Việt Yên;

+ Phía Tây: Giáp Cụm công nghiệp Đoan Bái – Lương Phong 1.

**7. Nhóm dự án, loại và cấp công trình:** Công trình HTKT cấp III.

**8. Số bước thiết kế :** Thiết kế 2 bước bao gồm thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công

**9. Phương án xây dựng :** Xây dựng mới

**10. Phương án giải phóng mặt bằng :**

- Căn cứ hiện trạng mặt bằng và quy hoạch chi tiết sử dụng đất xây dựng dự án, Nhà đầu tư sẽ phối hợp với chính quyền tổ chức đo đạc, kiểm đếm, lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành của nhà nước.

**11. Khái toán sơ bộ tổng mức đầu tư :** 759. 487.626.000 đồng.

(Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi lăm tỷ, bốn trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn)

TT	Hạng mục	Giá trị
1	Chi phí xây dựng	456,170,000,000
2	Chi phí thiết bị	19,800,000,000
3	Chi phí quản lý dự án	6,049,579,000
4	Chi phí tư vấn xây dựng	13,545,239,000
5	Chi phí khác	37,605,751,000
6	Chi phí bồi thường GPMB	190,000,000,000
7	Chi phí dự phòng	56,117,057,000
8	Tổng mức đầu tư	759,487,626,000

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn của chủ đầu tư, vốn vay và vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê tư vấn quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện: 24 tháng (Năm 2021 - 2023).

**Điều 2:** Các phòng chuyên môn thuộc công ty và các đơn vị liên quan thi hành quyết định này ./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo)
- UBND huyện Hiệp Hoà (báo cáo)
- Sở Xây dựng (báo cáo)
- Lưu: VT,



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
VƯƠNG HUY HOÀNG**